

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm mạnh trước áp lực chốt lời gia tăng, đặc biệt tại nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn với thanh khoản tăng.

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của chứng khoán cơ sở.

[Thông tin doanh nghiệp]

BSR, HBC

[Vĩ mô/Chiến lược]

Khủng hoảng thanh khoản – Silicon Valley Bank

[Cập nhật công ty]

POW

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị bán hạ vị thế trading trong các nhịp hồi sớm và đưa tỷ trọng về mức an toàn.

14/03/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIIndex	1,040.13	-1.20
VN30	1,037.35	-1.21
HĐTL VN30F1M	1,037.90	-0.96
HNXIndex	202.55	-1.60
HNX30	354.01	-2.62
UPCoM	75.77	-0.80
USD/VND	23,615	-0.04
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	4.09	-7
Lãi suất qua đêm (%)	5.52	-2
Dầu (WTI, \$)	73.71	-1.46
Vàng (LME, \$)	1,906.36	-0.38



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,040.13 (-1.20%)
KLGD (triệu CP) 559.1 (+11.1%)
GTGD (triệu US\$) 442.4 (-6.9%)

TTCK Việt Nam giảm điểm mạnh trước áp lực chốt lời gia tăng, đặc biệt tại nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn với thanh khoản tăng. Khối ngoại mua ròng, tập trung ở VHM (+0%), SSI (-3.1%), HSG (-4.0%).

HNXIndex 202.55 (-1.60%)
KLGD (triệu CP) 75.6 (+38.5%)
GTGD (triệu US\$) 46.8 (+48.6%)

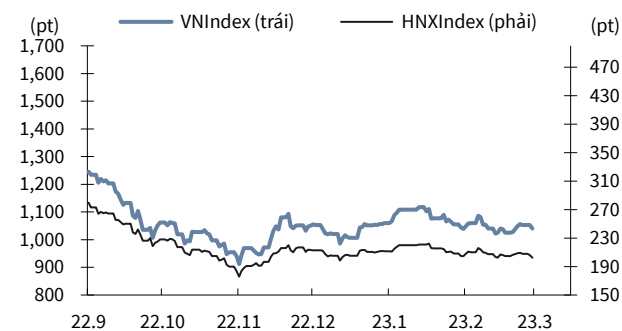
Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA) cho biết, trong 2 tháng đầu năm, sản xuất thép xây dựng đạt 1,823 triệu tấn, giảm 15.4% so với cùng kỳ 2022; bán hàng đạt 1,736 triệu tấn, giảm 22.3%. Cổ phiếu nhóm Thép giảm ở HPG (-3.79%), HSG (-4.01%), NKG (-5.79%).

UPCoM 75.77 (-0.80%)
KLGD (triệu CP) 28.4 (+14.7%)
GTGD (triệu US\$) 13.6 (+11.8%)

Các doanh nghiệp ngành FMCG đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức khi sức mua giảm sút, trong khi lạm phát và tỷ lệ thất nghiệp gây áp lực lên chi phí. Cổ phiếu ngành hàng tiêu dùng giảm ở VNM (-0.39%), MSN (-1.07%).

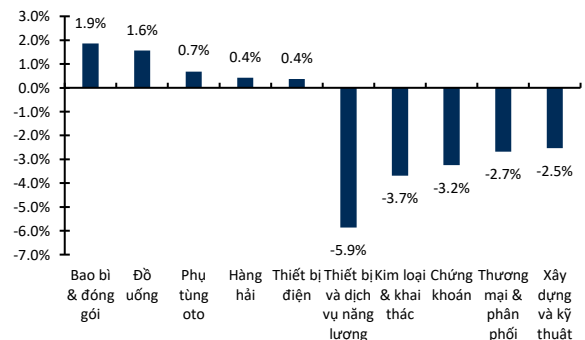
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +17.4

VNIndex & HNXIndex



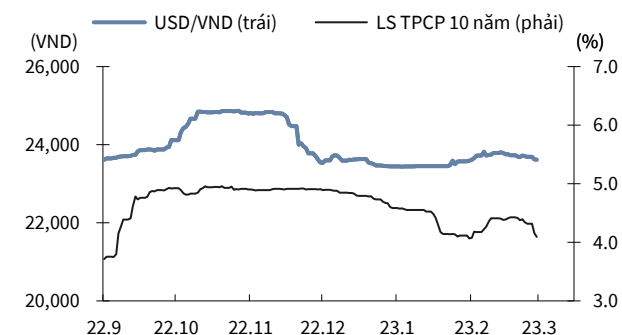
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



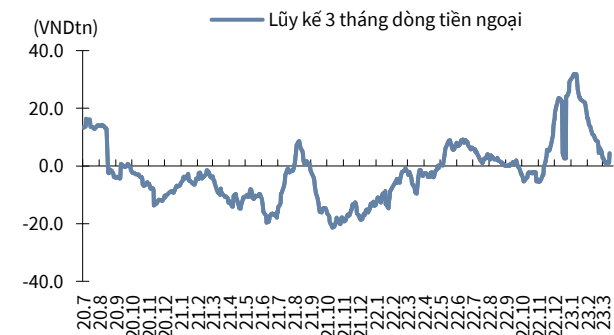
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

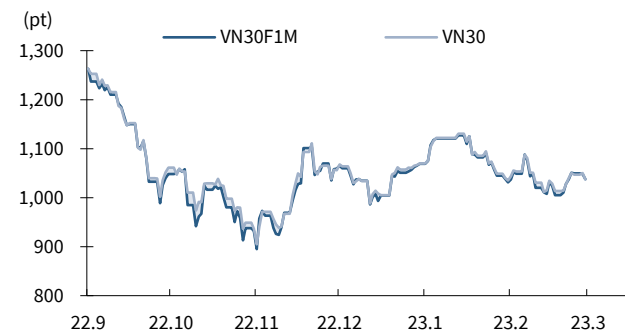
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,037.35 (-1.21%)
VN30F1M	1,037.9 (-0.96%)
Mở cửa	1,043.8
Cao nhất	1,047.2
Thấp nhất	1,032.6

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của chứng khoán cơ sở. Chênh lệch F2303 và chỉ số VN30 mở cửa tại -6.07 điểm thấp nhất phiên, sau đó biến động quanh mức 1.5 điểm suốt phiên, đóng cửa tại 0.55 điểm. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ.

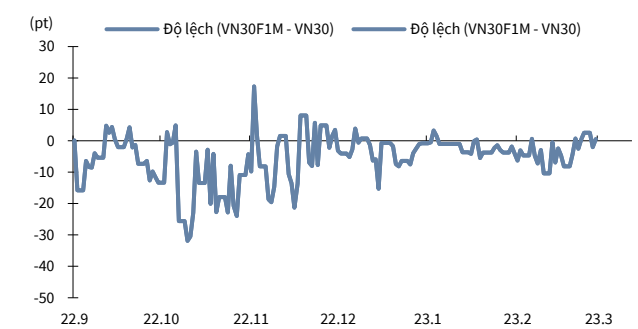
KLGD (HĐ) **285,653 (-12.8%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



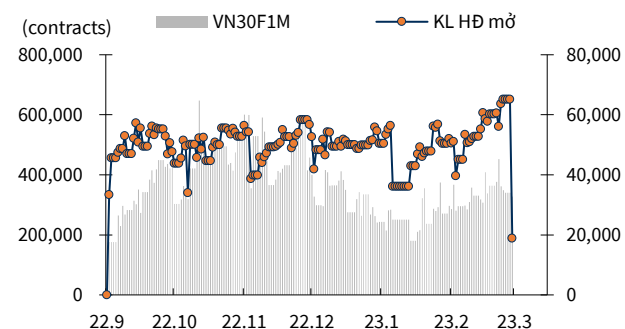
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



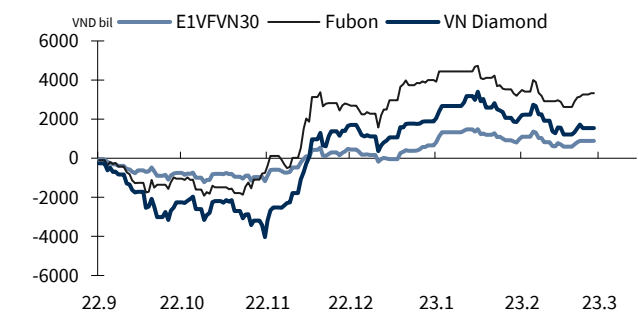
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

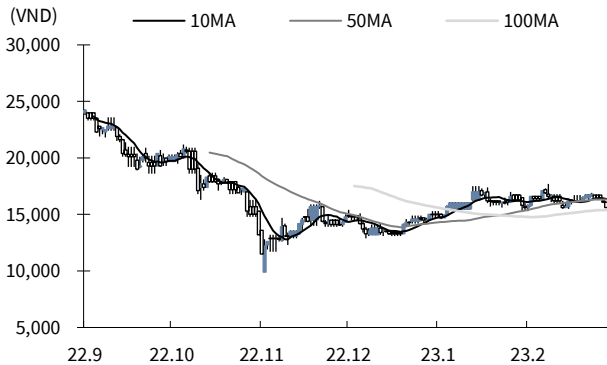
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Lọc hóa Dầu Bình Sơn (BSR)

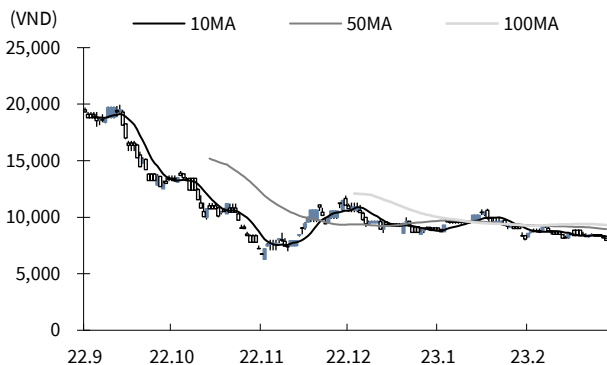


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- BSR giảm 3.11% xuống 15,600VND/cp.

- CTCP Lọc Hoá dầu Bình Sơn vừa công bố BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022. Sau kiểm toán, lợi nhuận sau thuế của công ty tăng thêm 275 tỷ đồng, lên 14,669 tỷ đồng. Trong đó, giá vốn giảm từ 151.233 tỷ đồng xuống 151.027 tỷ đồng. Các chỉ tiêu doanh thu và các chi phí như bán hàng, tài chính, quản lý doanh nghiệp không có sự thay đổi nhiều so với BCTC tự lập.

CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình (HBC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HBC giảm 2.69% xuống 7,960VND/cp.

- Ngày 4/3, một số nhà thầu vừa có công văn gửi đến các chủ đầu tư và Tổng thầu Xây dựng Hòa Bình về việc tạm dừng thi công tại một số dự án do chậm thanh toán. Trong đó có dự án Geleximco Southern Star Giáp Bát với quy mô 9,390 mét vuông do HBC là đơn vị thi công, xây dựng chính.

14/03/2023

 Chuyên viên phân tích Nguyễn Đình Thuận
 thuannnd@kbsec.com.vn

Doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2022 ghi nhận tăng trưởng tích cực

Doanh thu năm 2022 của POW đạt 28.2 nghìn tỷ VND (+15% YoY) và lợi nhuận sau thuế đạt 2,323 tỷ VND (+14% YoY). Doanh thu tăng trưởng tích cực do (1) Sản lượng tích cực của các nhà máy điện khí và thủy điện (2) Giá nguyên vật liệu đầu vào tăng kéo theo giá bán điện cao.

Nhiệt điện than: Nhà máy điện Vũng Áng 1 kỳ vọng trở lại trong bối cảnh điện than có triển vọng sáng hơn trong năm 2023

El Nino có xác suất cao xuất hiện trong năm 2023 ảnh hưởng đến các nhà máy thủy điện. Điều này mở ra dư địa huy động cho các nhà máy nhiệt điện như Vũng Áng 1. Theo thông tin từ POW, tổ máy số 1 của nhà máy Vũng Áng 1 sẽ nghiệm thu từ giữa tháng 3/2023 và đi vào vận hành ổn định từ cuối tháng 3/2023. Dựa trên giả định tổ máy số 1 sẽ bắt đầu vận hành ổn định từ cuối Quý 1/2023, chúng tôi dự phóng sản lượng của Vũng Áng 1 vào khoảng 5,112 triệu kWh (+54.1% YoY). Bên cạnh đó, chúng tôi cũng kỳ vọng nhà máy sẽ được nhận khoảng 300 tỷ tiền bồi thường bảo hiểm trong năm tới.

Dự án nhà máy điện khí LNG Nhơn Trạch 3&4 là động lực tăng trưởng dài hạn

Dự án nhà máy điện khí Nhơn Trạch 3&4 dự kiến sẽ đi vào hoạt động từ giai đoạn 2024-2025 và đóng góp tích cực vào triển vọng mảng điện khí của POW. Với tổng mức đầu tư 1.4 tỷ USD, dự án có tổng công suất 1,600MW có thể phát trung bình 9 tỷ kWh/năm. Đầu vào của 2 nhà máy là khí LNG nhập khẩu với mức tiêu thụ là 1.2 triệu tấn/năm. Dự kiến Nhơn Trạch 3&4 khi vận hành sẽ giúp nâng tổng công suất phát điện của POW lên 36%, tương đương 5,705 MW.

Khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 17,300 VNĐ/cổ phiếu

Dựa trên định giá SOTP và EV/EBITDA, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu POW. Giá mục tiêu là 17,300 VNĐ/cổ phiếu, cao hơn 31.6% so với giá tại ngày 13/03/2023.

MUA

Giá mục tiêu	VND 17,300
Tăng/giảm (%)	31.6%
Giá hiện tại (13/03/2023)	VND 13,150
Giá mục tiêu thị trường	VND 15,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	29,507

Dự phóng KQKD & định giá

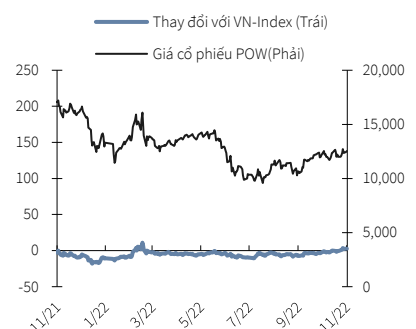
Năm tài chính	2021A	2022A	2023F	2024F
Doanh thu (tỷ VND)	24,565	28,235	32,020	37,637
EBIT	2,405	2,643	3,196	3,565
LN sau CĐTS	1,779	1,894	2,838	2,844
EPS (VNĐ)	760	809	1,212	1,214
Thay đổi EPS (%)	-23.9	6.4	50.0	0.0
P/E (x)	95.4	89.6	59.8	59.7
EV/EBITDA (x)	33.0	35.9	30.0	28.2
P/B (x)	5.3	5.1	4.2	3.6
ROE (%)	6.3	7.0	8.0	6.9
Tỷ suất cổ tức (%)	0.4	0.1	0.0	0.4

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	20.0%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ)	204.94
Sở hữu nước ngoài (%)	6.49%
Cổ đông lớn	PetroVietnam (79.94%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	3	11	-10	-27
Tương đối	7	8	8	3



Silicon Valley Bank

Khủng hoảng thanh khoản

Sự kiện phá sản do mất thanh khoản của ngân hàng Silicon Valley Bank

- 8/3/2023, Tập đoàn tài chính SVB thông báo lỗ 1.8 tỷ USD sau khi bán khoản chứng khoán 21 tỷ và dự kiến phát hành thêm 2.25 tỷ USD cổ phiếu mới để tăng vốn
- 9/3/2023, khách hàng ồ ạt rút tiền tổng 42 tỷ USD, chiếm 25% tỷ trong tiền gửi huy động của SVB. Cùng thời điểm, giá cổ phiếu SVB giảm mạnh 60%
- 10/3/2023, Cơ quan Bảo hiểm tiền gửi Liên bang (FDIC) ra quyết định chấm dứt hoạt động của SVB và thông báo khách hàng có bảo hiểm tiền gửi (chỉ chiếm khoảng 13% trong tổng lượng tiền gửi 175 tỷ USD). Giá cổ phiếu SVB tiếp tục mất 60% trong phiên thứ 2, và bị buộc rơi vào trạng thái chấm dứt giao dịch

Các nguyên nhân chính

- Hơn 75% khách hàng gửi tiền là nhóm doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp – nhóm doanh nghiệp đang chịu ảnh hưởng nặng nề nhất trong bối cảnh lãi suất tăng cao, khó huy động vốn mới nên đã đi rút tiền gửi tại SVB (dòng tiền gửi đã giảm mạnh so với giai đoạn 2019 – 2021, thời kỳ bùng nổ công nghệ) (biểu đồ 1)
- 60% danh mục đầu tư của SVB là Trái phiếu chính phủ Mỹ và chứng khoán đảm bảo bằng thế chấp (MBS) với kì hạn dài trên 10 năm (biểu đồ 2), khi lãi suất tăng cao gây lỗ nặng trên danh mục đầu tư
- Rủi ro chênh lệch kì hạn lớn, khi tiền gửi không trả lãi (không kì hạn) và tiền gửi huy động có trả lãi trung dài hạn tổng 173 tỷ USD, trong khi 60% danh mục cho vay với giá trị 110 tỷ USD lại là các khoản đầu tư với kỳ hạn dài trên 10 năm. Điều này khiến SVB trực tiếp đối diện với tình trạng mất thanh khoản khi khách hàng đồng loạt rút tiền (bank run).
- Chi phí huy động tăng cao, gây áp lực lên NIM, trong khi lợi suất của tài sản sinh lời không tăng theo kịp do cơ cấu cho vay tín dụng thấp, tài sản sinh lời tập trung vào các khoản đầu tư chứng khoán với kì hạn dài, lợi suất thấp
- Hạch toán các khoản lỗ chưa thực hiện của chứng khoán sẵn sàng để bán (AFS), ghi giảm trừ vào vốn chủ, ảnh hưởng tiêu cực tới tỷ lệ an toàn vốn chủ tối thiểu (CAR)

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex giảm điểm với biên độ mở rộng trong phiên trước khi diễn biến giằng co đến cuối phiên.
- Lực cầu bắt đáy gia tăng quanh ngưỡng hỗ trợ gần 1030 (+5) đã giúp cho chỉ số tránh được một nhịp giảm sâu trong phiên. Mặc dù vậy, với xu hướng giảm điểm trong ngắn hạn vẫn đóng vai trò chủ đạo, rủi ro tiếp tục mở rộng nhịp điều chỉnh trong các phiên tiếp theo vẫn đang có phần lấn át nếu chỉ số đánh mất ngưỡng hỗ trợ gần đã đề cập.
- NĐT được khuyến nghị bán hạ vị thế trading trong các nhịp hồi sớm và đưa tỷ trọng về mức an toàn.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1055 - 1058

Kháng cự gần: 1042 - 1045

Hỗ trợ gần: 1033 - 1035

Hỗ trợ xa: 1028 - 1031

- F1 giảm điểm với biên độ mở rộng trong phiên trước khi diễn biến giằng co đến cuối phiên.
- Lực mua chủ động gia tăng quanh ngưỡng hỗ trợ gần 1030 (+5) đã giúp cho chỉ số tránh được một nhịp giảm sâu trong phiên. Mặc dù vậy, với xu hướng giảm điểm trong ngắn hạn vẫn đóng vai trò chủ đạo, rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh trong các phiên tiếp theo vẫn đang có phần lấn át nếu chỉ số đánh mất ngưỡng hỗ trợ gần đã đề cập.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, LONG tại hỗ trợ, SHORT tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Chốt lời một phần vị thế SHORT khi chỉ số lùi về quanh các ngưỡng hỗ trợ.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

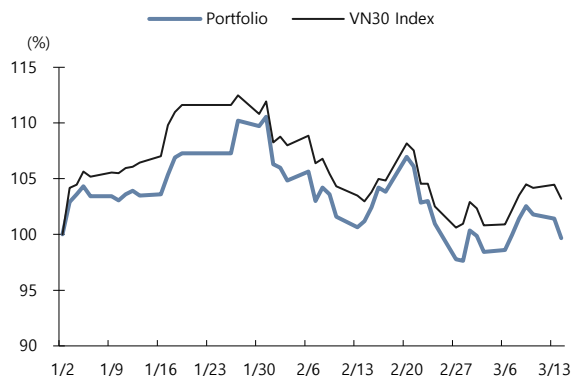
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-1.21%	-1.71%
Tăng lũy kế (YTD)	3.20%	-0.32%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 14/03/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	38,600	-2.0%	-0.1%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
SSI Securities (SSI)	30/01/2023	19,050	-3.1%	-9.1%	- Tiếp tục giữ vị trí dự nợ cho vay kỳ quỹ lớn nhất trong ngành - Kỳ vọng hưởng lợi khi xu hướng lãi suất hạ nhiệt từ mức nền cao cuối 2022
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	80,700	0.6%	40.4%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Tien Phong Bank (TPB)	11/11/2021	24,200	-0.4%	-1.2%	- NIM duy trì ổn định nhờ nguồn vốn huy động giá rẻ - Ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số - Rủi ro đối với vấn đề TPDN kỳ vọng hạ nhiệt trong năm 2023
Dabaco Group (DBC)	30/01/2023	13,300	-2.9%	-22.2%	- Giá lợn hơi và thịt gà được kỳ vọng sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục trong 2023 - Giá TACN giảm, tương đồng với giá nông sản thế giới, sẽ giúp biên LNG cải thiện
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	78,700	-0.3%	224.4%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	29,000	-1.0%	53.4%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	107,700	-0.4%	46.7%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phát Group (HPG)	04/12/2019	20,300	-3.8%	82.3%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	21,350	-3.8%	107.8%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VHM	0.0%	24.0%	69.3
SSI	-3.1%	43.3%	60.8
HSG	-4.0%	11.9%	60.5
POW	-2.3%	6.5%	57.8
VNM	-0.4%	55.8%	30.6

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
E1VFN30	-1.3%	92.9%	-31.1
STB	-2.4%	29.2%	-28.5
VCB	-0.6%	23.6%	-17.0
NLG	-2.1%	44.9%	-9.0
BID	-2.6%	17.3%	-8.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	-2.6%	1.0%	9.1
TNG	1840.5%	11.9%	4.6
PVI	-0.6%	59.6%	1.8
PVS	-4.6%	20.5%	0.6
THD	0.0%	0.7%	0.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PLC	-4.0%	1.3%	-1.7
BVS	-1.8%	7.7%	-0.8
SHS	-3.5%	6.8%	-0.6
NVB	-1.9%	8.8%	-0.0
NRC	-2.6%	4.9%	-0.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thiết bị điện	3.1%	GEX, SAM, CAV, RAL
Tiện ích khí	3.0%	GAS, PGD, PMG
Bao bì & đóng gói	2.3%	TDP, SVI, MCP, TPC
Thực phẩm	2.3%	VNM, MSN, KDC, VHC
Quản lý & phát triển bất động sản	1.8%	VHM, VIC, NVL, BCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ gia dụng	-7.3%	TTF, GDT, EVE, SAV
Thiết bị và dịch vụ năng lượng	-6.0%	PVD, PVT
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	-4.8%	PLX, PGC, CNG, GSP
Kim loại & khai thác	-3.7%	HPG, HSG, NKG, KSB
Sản phẩm xây dựng	-2.9%	VGC, BMP, SHI, DAG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phụ tùng oto	12.2%	DRC, CSM, PAC, TNC
Sản xuất điện	4.7%	POW, VSH, GEG, TMP
Chứng khoán	4.1%	SSI, VND, HCM, VCI
Hàng hải	2.6%	VSC, VOS, SKG, VTO
Thiết bị và dịch vụ năng lượng	2.3%	PVD, PVT

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ hàng chuyên dụng	-7.7%	MWG, FRT, CTF, HAX
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-4.5%	TNH, JVC, VMD
Hóa chất	-4.2%	GVR, DGC, DPM, DCM
Thực phẩm	-4.1%	VNM, MSN, KDC, VHC
Dược	-3.8%	DHG, IMP, TRA, DBD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	85,269 (3.6)	22.5	28.6	25.3	14.7	6.2	6.6	-	-	-0.6	0.6	0.2	-1.5
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	121,224 (5.1)	26.6	6.0	5.8	35.9	20.7	17.6	1.2	1.0	0.0	5.8	4.7	-6.8
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	62,259 (2.6)	17.8	18.1	16.5	-7.6	9.9	10.3	1.8	1.7	-1.0	8.3	2.9	9.5
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	186,193 (7.9)	31.3	4.5	3.2	6.7	6.5	-3.4	0.6	0.6	-2.7	-1.4	-10.5	-23.6
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	38,328 (1.6)	11.6	20.5	13.9	13.7	8.7	12.5	1.5	1.4	-2.6	0.0	-3.0	-2.6
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	146,302 (6.2)	13.9	13.8	18.3	-	5.3	3.8	0.7	0.8	-4.9	1.4	3.9	-16.5
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	78,399 (3.3)	6.3	12.7	11.4	11.7	22.5	21.3	2.6	2.1	-0.5	-1.0	-1.6	13.8
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	47,946 (2.0)	12.7	10.3	8.6	-5.3	18.7	19.9	1.9	1.6	-2.6	-3.9	3.8	16.7
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	66,571 (2.8)	0.0	4.2	3.6	14.3	17.5	17.6	0.7	0.6	-1.7	-3.0	-2.0	1.7
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	71,699 (3.0)	1.4	7.4	6.1	50.3	16.7	18.5	1.1	1.1	-1.0	0.0	1.0	6.4
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	282,588 (11.9)	0.0	7.7	6.3	18.8	15.4	16.2	1.1	0.9	0.0	11.5	16.2	8.4
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	132,995 (5.6)	0.0	4.4	3.8	14.6	21.7	20.4	0.8	0.7	-1.7	-1.1	-3.6	0.6
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	38,402 (1.6)	4.2	4.2	4.3	23.3	25.5	19.9	1.0	0.8	-2.2	-2.4	2.3	13.2
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	458,464 (19.3)	14.0	5.8	4.2	26.5	21.4	24.0	1.0	0.8	-2.4	-2.4	0.0	8.4
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	110,505 (4.7)	0.0	5.4	4.5	37.4	19.8	19.9	1.0	0.8	-0.4	3.0	3.0	15.0
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,417	22,745 (988)	62,003 (2.6)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-3.7	-0.8	5.1	-16.9
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	14,800 (0.6)	21.0	15.0	12.5	15.8	10.9	12.1	1.6	1.5	-1.6	0.8	-0.8	4.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	4,574 (0.2)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	-4.7	-5.5	-3.1	16.7
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	257,114 (10.8)	55.4	-	-	-3.2	-	-	-	-	-3.1	-1.8	0.8	7.6
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	124,555 (5.3)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-3.9	1.5	7.7	17.4
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	137,390 (5.8)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-4.6	-5.0	0.4	14.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	237,845 (10.0)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-3.4	-1.4	0.7	3.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	97,969 (4.1)	42.1	18.2	16.4	4.0	29.8	32.1	5.0	4.7	-0.4	1.1	2.5	0.7
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	20,667 (0.9)	36.9	22.4	19.7	7.3	22.0	22.5	4.6	4.2	1.6	1.7	1.1	13.8
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	69,994 (3.0)	16.5	24.8	17.9	-51.9	11.6	16.3	3.6	3.1	-1.1	6.8	-10.0	-10.1
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	9,920 (0.4)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.9	0.9	5.4	3.4
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	28,028 (1.2)	11.0	28.0	18.2	-88.5	16.4	27.8	-	-	1.0	4.7	-1.1	-7.1
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	23,299 (1.0)	10.8	13.2	16.5	-57.0	23.7	12.1	1.8	1.7	0.4	2.0	-2.3	11.2
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	32,479 (1.4)	38.4	20.3	8.4	65.7	3.0	7.3	-	-	-1.4	2.6	7.9	5.8
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	107,191 (4.5)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-3.3	1.7	-4.8	-4.0
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	9,521 (0.4)	3.6	17.0	8.3	-52.4	1.9	3.8	0.3	0.3	-3.2	0.6	8.1	10.0
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	15,595 (0.7)	0.0	10.1	8.9	-4.5	14.3	14.3	1.3	1.2	-0.7	1.0	-3.1	-4.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	19,476 (0.8)	46.1	20.4	17.8	-17.5	19.1	18.0	3.5	3.5	-0.4	3.1	2.0	6.1
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	20,418 (0.9)	31.4	13.2	9.6	-10.5	14.6	19.2	1.8	1.7	-1.0	-2.4	0.9	0.5
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,581 (0.1)	34.1	-	-	-5.1	-	-	-	-	-2.3	-2.6	3.5	18.2
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	437,856 (18.5)	18.0	11.4	8.0	21.9	10.6	13.8	1.1	1.0	-3.8	-3.8	-1.5	12.8
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	61,753 (2.6)	36.5	5.6	8.4	-0.5	17.9	13.0	0.9	0.9	-2.8	-2.4	-22.1	-22.7
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	60,780 (2.6)	46.5	8.0	7.8	-4.5	15.2	14.8	1.1	1.1	-1.9	2.2	-5.8	-10.6
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	319,169 (13.5)	38.9	13.8	7.2	67.9	3.5	8.9	0.8	0.7	-4.0	-3.4	4.7	34.6
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	28,465 (1.2)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-3.6	0.6	10.9	29.6
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	25,111 (1.1)	4.6	16.2	13.7	-51.0	9.8	9.8	1.9	1.8	-2.5	-4.9	-2.4	17.0
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	105,959 (4.5)	39.9	25.1	13.6	-11.9	3.1	5.6	0.8	0.8	-5.9	-5.9	0.0	15.4
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	44,392 (1.9)	35.9	7.2	6.3	2.2	14.5	15.1	1.0	0.9	-5.7	-6.2	2.9	-10.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	61,536 (2.6)	0.0	12.0	7.7	14.4	18.1	21.2	2.0	1.6	-2.0	-2.8	-9.2	-10.0
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	23,743 (1.0)	0.0	12.6	10.9	2.4	23.0	23.6	2.6	2.2	0.6	1.8	-1.7	-10.2
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,406 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-1.9	-5.0	11.8	17.8
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	54,578 (2.3)	30.3	20.0	15.2	-75.2	19.8	22.1	3.4	2.7	-1.7	-0.4	-4.7	0.9
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	20,736 (0.9)	34.6	8.8	8.2	41.2	21.9	22.7	1.5	1.3	-2.5	-2.8	-2.8	0.3
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,118 (0.0)	45.4	13.4	12.3	10.7	21.7	20.8	2.6	2.3	-0.7	-0.7	-3.0	12.5
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	59,029 (2.5)	0.0	13.9	11.6	15.5	28.0	29.3	3.3	3.0	-0.3	-0.1	-2.6	2.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên cao cấp
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích
huynd1@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann@kbsec.com.vn

Dầu khí & Tiện ích

Tiêu Phan Thanh Quang – Chuyên viên phân tích
quangtpt@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Quyên – Chuyên viên phân tích
quyenlh@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.